TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2020

Phụ lục 6

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2020
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ HÀ NỘI (DLX) - NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC (7340404)
(Xét tuyển bằng hình thức dựa trên kết quả học tập THPT)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2373/QĐ-HĐTSĐHCQ2020 ngày 26/8/2020 của Chủ tịch HĐTSĐHCQ 2020 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
1	BÙI THỊ THANH MAI	187909458	26/04/2002	Nữ	00	2NT	A00	27.26	27.76	NV1
2	TRẦN BÌNH NGUYÊN	125892499	19/07/2002	Nữ	00	2	A01	27.36	27.61	NV1
3	NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC	194628766	25/01/2000	Nữ	00	2	A00	26.5	26.75	NV1
4	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	022302004271	07/06/2002	Nữ	00	2	D01	26.46	26.71	NV1
5	PHẠM QUANG THÀNH	034200008799	08/05/2000	Nam	00	2	A01	26.26	26.51	NV1
6	NGUYỄN ĐOÀN MINH	001202004338	09/04/2002	Nam	00	3	A01	26.32	26.32	NV1
7	LÊ THU HÀ	038301004862	09/11/2001	Nữ	00	2	D01	26.06	26.31	NV1
8	NGUYỄN THỊ BỘT	122441938	17/03/2002	Nữ	00	1	A01	25.14	25.89	NV1
9	LÊ THẢO LINH	038302009319	10/10/2002	Nữ	00	2NT	D01	25.38	25.88	NV1
10	NÔNG THU HUỆ	051130368	01/09/2002	Nữ	01	1	A01	23.02	25.77	NV1
11	TRẦN HIẾU GIANG	001302001705	21/06/2002	Nữ	00	3	A00	25.66	25.66	NV1
12	PHẠM TRƯỜNG PHÚC	001202012007	25/04/2002	Nam	00	3	A01	25.62	25.62	NV1
13	LƯU ĐỖ KHOA	001202020892	14/12/2002	Nam	00	3	A00	25.34	25.34	NV1
14	PHẠM BÁ ĐẠT	001099024418	16/05/1999	Nam	00	3	A00	25.22	25.22	NV1
15	LÊ TRÀ MY	001302009625	15/12/2002	Nữ	00	3	D01	25.18	25.18	NV1
16	LƯƠNG HOÀNG NGỌC HÂN	001302004232	26/02/2002	Nữ	00	3	A00	25	25	NV1
17	TÒNG THỊ LAN HƯƠNG	051122940	19/09/2002	Nữ	01	1	A00	22.24	24.99	NV1
18	BÙI NGUYỄN MINH ANH	033302004771	25/07/2002	Nữ	00	2NT	D01	24.44	24.94	NV1
19	LÊ THỊ MỸ HẠNH	113786140	03/04/2002	Nữ	00	1	D01	24.12	24.87	NV1
20	NGUYỄN THÙY LINH	036302008878	10/07/2002	Nữ	00	2	A00	24.4	24.65	NV1
21	LÊ HUYỀN MY	022302000823	31/07/2002	Nữ	00	2	A01	24.33	24.58	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
22	LÝ NGỌC THU	022302002163	12/08/2002	Nữ	01	1	D01	21.78	24.53	NV1
23	NGUYỄN HẠNH DƯƠNG	001302000151	12/03/2002	Nữ	00	3	D01	24.52	24.52	NV1
24	NGUYỄN THỊ NGỌC	125892470	11/06/2002	Nữ	00	2	A01	24.2	24.45	NV1
25	LÊ VIỆT HƯNG	001202019254	08/10/2002	Nam	00	3	D01	24.44	24.44	NV1
26	NGUYỄN HOÀNG SƠN	001202003165	10/06/2002	Nam	00	3	A01	24.38	24.38	NV1
27	NGUYỄN HUYỀN TRANG	022302001417	26/06/2002	Nữ	00	2	D01	24.12	24.37	NV1
28	PHẠM THỊ VÂN ANH	038301008918	08/01/2001	Nữ	00	2NT	A00	23.8	24.3	NV1
29	ĐINH NGỌC AN	022302000448	08/07/2002	Nữ	00	2	A00	24.04	24.29	NV1
30	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	125783368	04/12/1998	Nữ	00	2	D01	24.02	24.27	NV1
31	ĐẶNG YẾN NHI	132467623	31/12/2002	Nữ	00	3	D01	24.24	24.24	NV1
32	NGUYỄN ANH CHÚC	002302000010	26/08/2002	Nữ	00	3	A00	24.22	24.22	NV1
33	TRẦN THỊ THANH TRÚC	001302034731	15/05/2002	Nữ	00	3	D01	24.22	24.22	NV1
34	NGÔ THỊ HỒNG NHUNG	001302034574	08/10/2002	Nữ	00	2	D01	23.96	24.21	NV1
35	ĐỖ HƯƠNG LY	001302000057	27/01/2002	Nữ	00	3	D01	24.2	24.2	NV1
36	ĐOÀN THU HÀ	001302011696	31/03/2002	Nữ	00	3	D01	24.2	24.2	NV1
37	LÊ THỊ XUÂN QUỲNH	038300009192	08/08/2000	Nữ	00	2	A00	23.92	24.17	NV1
38	LỤC GIA LINH	001302014608	27/11/2002	Nữ	00	2	D01	23.92	24.17	NV1
39	TRẦN THỊ NGA	036302000513	09/03/2002	Nữ	00	2NT	A00	23.66	24.16	NV1
40	NGUYỄN HẰNG HÀ	001302003605	17/09/2002	Nữ	00	3	A00	24.1	24.1	NV1
41	NGUYỄN ĐỨC NHẬT QUANG	001202008760	16/12/2002	Nam	00	3	A00	23.98	23.98	NV1
42	NGUYỄN NGỌC DIỆP ANH	033302002170	21/01/2002	Nữ	00	2NT	D01	23.48	23.98	NV1
43	NGUYỄN THU TRANG	001302002573	06/07/2002	Nữ	00	3	A00	23.92	23.92	NV1
44	ĐỖ THÙY DUNG	022302001286	03/06/2002	Nữ	00	2	D01	23.58	23.83	NV1
45	LÊ THỊ QUỲNH ANH	038300007951	13/03/2000	Nữ	00	2	D01	23.54	23.79	NV1
46	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	001301022347	10/07/2001	Nữ	00	2	D01	23.52	23.77	NV1
47	NGUYỄN THỊ THẢO	001302021673	29/12/2002	Nữ	00	2	D01	23.52	23.77	NV1
48	NGUYỄN VIỆT THÁI	034202000137	14/04/2002	Nam	00	2NT	A01	23.26	23.76	NV1
49	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	001302029493	11/08/2002	Nữ	00	3	D01	23.74	23.74	NV1
50	NGUYỄN THỊ ÁNH MAI	001302019066	09/08/2002	Nữ	00	3	D01	23.68	23.68	NV1
51	NGUYỄN SỸ HIẾU	044202000770	23/02/2002	Nam	00	2	A01	23.42	23.67	NV1
52	VƯƠNG NGỌC ĐÀI TRANG	125958589	02/03/2002	Nữ	00	2	D01	23.42	23.67	NV1
53	TRẦN VIỆT BÁCH	071088352	15/06/2002	Nam	00	1	A01	22.9	23.65	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
54	NGUYỄN THỊ KIM THƯ	001302007857	09/12/2002	Nữ	00	3	A00	23.6	23.6	NV1
55	TRẦN GIA LINH	022302002128	30/01/2002	Nữ	00	2	D01	23.34	23.59	NV1
56	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	001302004507	08/05/2002	Nữ	00	3	D01	23.56	23.56	NV1
57	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	125891110	20/07/2001	Nữ	00	2NT	D01	23.02	23.52	NV1
58	NGUYỄN MINH HIỀN	001302007252	26/10/2002	Nữ	00	3	D01	23.5	23.5	NV1
59	NGUYỄN TRUNG ANH DUY	001202007923	19/09/2002	Nam	00	3	A00	23.48	23.48	NV1
60	NHỮ THANH HOA	071118604	07/01/2002	Nữ	00	1	A01	22.7	23.45	NV1
61	TRẦN THỊ MY	125963175	19/12/2002	Nữ	00	2NT	D01	22.88	23.38	NV1
62	ĐỖ DANH THỦY	001202010131	21/07/2002	Nam	00	2	D01	23.1	23.35	NV1
63	HOÀNG KHÁNH LY	037302004574	28/12/2002	Nữ	00	2	D01	23.1	23.35	NV1
64	VŨ MINH TRIỀN	051152018	25/11/2002	Nam	00	1	A00	22.6	23.35	NV1
65	BẠCH MAI DUYÊN	001302007343	07/11/2002	Nữ	00	3	A00	23.32	23.32	NV1
66	TRIỆU BÍCH DIỆP	001302004801	06/11/2002	Nữ	00	3	D01	23.3	23.3	NV1
67	ĐẶNG HẢI PHƯƠNG	036302003674	13/05/2002	Nữ	00	2	D01	23.02	23.27	NV1
68	LÊ HƯƠNG GIANG	001302015978	29/10/2002	Nữ	00	2	D01	23.02	23.27	NV1
69	NGUYỄN NGỌC ANH	036302008116	13/09/2002	Nữ	00	2	A00	23	23.25	NV1
70	HOÀNG THỊ TRÀ MY	092021441	08/10/2002	Nữ	01	1	D01	20.48	23.23	NV1
71	HOÀNG THỊ THU HẰNG	113812006	27/08/2002	Nữ	01	1	D01	20.42	23.17	NV1
72	ĐÀO THỊ THU HÀ	001301035675	26/03/2001	Nữ	00	2	A01	22.86	23.11	NV1
73	NGUYỄN HÀ THANH	001302004145	04/09/2002	Nữ	00	3	D01	23.1	23.1	NV1
74	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG DUNG	001302007850	24/10/2002	Nữ	00	3	D01	23.04	23.04	NV1
75	NGUYỄN THÚY HẠNH	001302024868	09/04/2002	Nữ	00	2	D01	22.78	23.03	NV1
76	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	034302003872	05/10/2002	Nữ	00	2	D01	22.78	23.03	NV1
77	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	038302004841	29/10/2002	Nữ	00	2	D01	22.74	22.99	NV1
78	NGUYỄN THỊ MINH THU	001302021259	30/10/2002	Nữ	00	2	A00	22.74	22.99	`NV1
79	PHẠM MINH ANH	036300005621	17/09/2000	Nữ	00	2	D01	22.74	22.99	NV1
80	PHẠM MINH CHIẾN	051116007	05/08/2001	Nam	00	1	D01	22.18	22.93	NV1
81	NGUYỄN QUỲNH TRANG	022302001285	12/12/2002	Nữ	00	1	D01	22.16	22.91	NV1
82	NGUYỄN THỊ YẾN	125892431	06/01/2002	Nữ	00	2	A01	22.58	22.83	NV1
83	NGUYỄN THU HÀ	006302000013	27/05/2002	Nữ	06	2	D01	21.56	22.81	NV1
84	KIM NGỌC TRÂM	001302010016	25/08/2002	Nữ	00	3	D01	22.78	22.78	NV1
85	ĐỖ VIẾT SƠN	125911662	16/09/2002	Nam	00	2	D01	22.52	22.77	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
86	HỒ THU TRANG	001302004168	26/09/2002	Nữ	00	3	A00	22.76	22.76	NV1
87	NGUYỄN THU QUỲNH	001302014509	14/10/2002	Nữ	00	3	A01	22.74	22.74	NV1
88	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	001302000262	21/02/2002	Nữ	00	2	D01	22.48	22.73	NV1
89	ĐẶNG VĂN MẠNH	034201003051	24/10/2001	Nam	00	2NT	A00	22.22	22.72	NV1
90	LÊ THỊ YẾN NHI	188008208	18/04/2002	Nữ	00	2NT	D01	22.22	22.72	NV1
91	PHAN THỊ THU HIỀN	001302023623	28/05/2002	Nữ	00	2	A00	22.42	22.67	NV1
92	NGUYỄN THỊ MAI TRANG	001302021831	05/02/2002	Nữ	00	2	D01	22.34	22.59	NV1
93	ĐỖ ANH QUÂN	001202010585	11/12/2002	Nam	00	3	A00	22.56	22.56	NV1
94	LÊ HUYỀN TRANG	001302035683	04/08/2002	Nữ	00	3	D01	22.56	22.56	NV1
95	NGUYỄN THỊ TƯỜNG HUYỀN	022302001096	16/08/2002	Nữ	00	1	D01	21.8	22.55	NV1
96	PHÙNG THU HÀ	001302034058	19/07/2002	Nữ	00	2	D01	22.3	22.55	NV1
97	TRẦN KHÁNH TÂM	001302007746	05/11/2002	Nữ	00	3	D01	22.52	22.52	NV1
98	NGUYỄN HÀ ANH	001302000414	16/02/2002	Nữ	00	3	D01	22.5	22.5	NV1
99	NGUYỄN MAI TRANG	036302004063	03/12/2002	Nữ	00	2	D01	22.24	22.49	NV1
100	NGUYỄN NHƯ TRANG	071114996	18/07/2002	Nữ	00	1	D01	21.64	22.39	NV1
101	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	125981499	24/04/2002	Nữ	00	2	D01	22.14	22.39	NV1
102	NGUYỄN BÍCH THẢO	125977651	24/10/2002	Nữ	00	2	A01	22.1	22.35	NV1
103	ĐẶNG MINH ANH	001302006847	29/10/2002	Nữ	00	3	A00	22.34	22.34	NV1
104	VŨ VĂN TÙNG	132420457	15/12/1999	Nam	00	1	A00	21.58	22.33	NV1
105	VŨ NGỌC THIÊN	030202010701	05/12/2002	Nam	00	2NT	D01	21.82	22.32	NV1
106	NGUYỄN ĐỨC QUANG	095300674	14/09/2002	Nam	01	1	D01	19.52	22.27	NV1
107	NGUYỄN THỊ TÂM	038302009455	17/08/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.76	22.26	NV1
108	NGUYỄN HÙNG VĨ	001202015771	13/06/2002	Nam	00	3	A01	22.22	22.22	NV1
109	TRƯƠNG THỊ TƯƠI	035301000995	22/02/2001	Nữ	00	2NT	D01	21.68	22.18	NV1
110	NGUYỄN THỊ THÚY CẢI	125917526	26/04/2002	Nữ	00	2	A00	21.9	22.15	NV1
111	NGUYỄN THÚY QUỲNH	036302012496	22/12/2002	Nữ	00	2NT	A00	21.62	22.12	NV1
112	TRƯƠNG QUỐC DŨNG	001202004388	06/09/2002	Nam	00	3	A00	22.12	22.12	NV1
113	PHẠM THỊ THÙY LINH	036302002954	06/06/2002	Nữ	00	2	A01	21.86	22.11	NV1
114	MAI THỊ THÚY	038302003072	16/06/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.58	22.08	NV1
115	TRỊNH THỊ THU HUYỀN	075302000219	26/02/2002	Nữ	00	2	D01	21.82	22.07	NV1
116	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	034302005832	19/09/2002	Nữ	00	2NT	A00	21.56	22.06	NV1
117	LÊ NGỌC ANH	037202004925	06/03/2002	Nam	00	2	A00	21.76	22.01	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
118	MAI TẤN DŨNG	001202002519	03/04/2002	Nam	00	3	A01	21.94	21.94	NV1
119	NGUYỄN THỊ NGOAN	125976885	21/12/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.36	21.86	NV1
120	TRẦN THỊ HÒA	033302005306	04/05/2002	Nữ	00	2NT	A00	21.36	21.86	NV1
121	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	038302004538	15/08/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.34	21.84	NV1
122	BÙI THỊ THƠM	038302012382	26/08/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.3	21.8	NV1
123	NGUYỄN THÙY TRANG	122426291	19/03/2002	Nữ	00	2	D01	21.54	21.79	NV1
124	PHẠM THÀNH TRUNG	034202000695	03/10/2002	Nam	00	2	D01	21.48	21.73	NV1
125	NGUYỄN TÀI VƯƠNG ĐỨC DUY	001202030884	03/12/2002	Nam	00	3	D01	21.72	21.72	NV1
126	VŨ DUY HIỀN	033202003156	13/05/2002	Nam	00	2NT	A00	21.2	21.7	NV1
127	PHẠM THU THỦY	125961823	06/01/2001	Nữ	00	2	D01	21.42	21.67	NV1
128	LÊ THỊ LINH	038302018454	29/04/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.16	21.66	NV1
129	ĐINH THỊ PHÚC	022302004405	05/03/2002	Nữ	00	2	D01	21.38	21.63	NV1
130	NGUYỄN THỊ HỒNG LAI	001302018581	11/10/2002	Nữ	00	3	A00	21.62	21.62	NV1
131	PHẠM THỊ PHƯƠNG HUYỀN	187966930	09/07/2002	Nữ	00	2	D01	21.36	21.61	NV1
132	ĐỖ THÚY NGÂN	026302006117	20/05/2002	Nữ	00	1	D01	20.8	21.55	NV1
133	VŨ VIỆT HÙNG	001202000082	22/02/2002	Nam	00	3	D01	21.48	21.48	NV1
134	BÙI KHÁNH LINH	001302019625	28/12/2002	Nữ	00	3	A00	21.46	21.46	NV1
135	ĐINH THỊ XUÂN THÀNH	001302006803	25/12/2002	Nữ	00	3	A00	21.46	21.46	NV1
136	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	184440979	21/11/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.96	21.46	NV1
137	DƯƠNG TRƯỜNG NAM	092004475	15/10/2002	Nam	00	2	A00	21.2	21.45	NV1
138	ĐOÀN MẠNH THÀNH	001202002919	24/05/2002	Nam	00	3	D01	21.44	21.44	NV1
139	TRẦN MINH ANH	001302008482	21/02/2002	Nữ	00	3	D01	21.44	21.44	NV1
140	TRỊNH THỊ TRÀ GIANG	001302023329	12/11/2002	Nữ	00	2	D01	21.18	21.43	NV1
141	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	087302000117	01/01/2002	Nữ	00	2	D01	21.16	21.41	NV1
142	NGUYỄN DUY ĐỨC	001202015499	07/12/2002	Nam	00	3	D01	21.4	21.4	NV1
143	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN	001302009218	03/01/2002	Nữ	00	3	D01	21.4	21.4	NV1
144	NGUYỄN THỊ THÙY	001302032574	18/03/2002	Nữ	00	2	D01	21.12	21.37	NV1
145	LƯU MỸ ANH	001302022667	03/11/2002	Nữ	00	3	D01	21.36	21.36	NV1
146	LƯU XUÂN SƠN	033202006690	03/11/2002	Nam	00	2NT	A00	20.86	21.36	NV1
147	NGUYỄN THỊ NGÂN	001302025543	28/02/2002	Nữ	00	2	A00	21.08	21.33	NV1
148	NGUYỄN HÀ BẢO THƯ	038300000051	07/07/2000	Nữ	00	3	D01	21.3	21.3	NV1
149	ĐÀO TRỌNG CHIẾN	038202021677	01/03/2002	Nam	00	2	D01	21.02	21.27	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
150	NGUYỄN HƯƠNG CÚC	125920406	28/07/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.74	21.24	NV1
151	LÙ THỊ CANH	045230871	22/08/2002	Nữ	01	1	A00	18.48	21.23	NV1
152	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	113812002	05/01/2002	Nữ	00	1	D01	20.48	21.23	NV1
153	VÕ PHƯƠNG LINH	001302011724	02/07/2002	Nữ	00	3	A00	21.22	21.22	NV1
154	MAI QUỲNH ANH	001302003383	12/09/2002	Nữ	00	3	A00	21.18	21.18	NV1
155	VŨ MẠNH TÙNG	030202005581	06/09/2002	Nam	00	2NT	D01	20.68	21.18	NV1
156	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	025202000104	01/07/2002	Nam	00	3	D01	21.14	21.14	NV1
157	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	030302007170	21/01/2002	Nữ	00	2NT	A01	20.62	21.12	NV1
158	LÊ TRÚC LINH	001302027512	06/01/2002	Nữ	00	3	A01	21.1	21.1	NV1
159	TRỊNH VÂN ANH	001302038998	16/12/2002	Nữ	00	3	D01	21.08	21.08	NV1
160	NGUYỄN NGỌC NGHIỆP	125917575	30/11/2002	Nam	00	2	A01	20.82	21.07	NV1
161	TRẦN THỊ KIỀU NGA	001302031812	17/11/2002	Nữ	00	2	D01	20.8	21.05	NV1
162	NGUYỄN TUYẾT HỒNG	001302013220	09/11/2002	Nữ	00	2	A00	20.78	21.03	NV1
163	TRẦN NGỌC LƯƠNG	022202000560	30/09/2002	Nam	00	2	D01	20.76	21.01	NV1
164	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	001302002417	11/07/2002	Nữ	00	3	D01	21	21	NV1
165	BÙI ANH QUÂN	001202015410	25/12/2002	Nam	00	3	A01	20.96	20.96	NV1
166	PHẠM THỊ NGÀN	125913827	09/09/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.46	20.96	NV1
167	NGUYỄN HUYỀN MY	125932275	30/05/2002	Nữ	00	2	D01	20.68	20.93	NV1
168	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	125974639	02/10/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.4	20.9	NV1
169	ĐINH QUANG NGHĨA	001202000140	15/03/2002	Nam	00	3	D01	20.86	20.86	NV1
170	VŨ THỊ THÚY HIỀN	037302001891	04/10/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.34	20.84	NV1
171	NGUYỄN THỊ TRANG	001302017600	15/09/2002	Nữ	00	2	D01	20.58	20.83	NV1
172	VŨ HƯƠNG GIANG	001302020001	30/08/2002	Nữ	00	3	D01	20.82	20.82	NV1
173	TRẦN THỊ NHƯ YẾN	113780554	28/05/2002	Nữ	00	1	D01	20.06	20.81	NV1
174	NGUYỄN DUY BÌNH	031202003331	22/04/2002	Nam	00	3	A00	20.8	20.8	NV1
175	HOÀNG THÙY LINH	001302019904	03/11/2002	Nữ	00	2	D01	20.54	20.79	NV1
176	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	001302023327	10/07/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.28	20.78	NV1
177	ĐỖ THỊ DỊU	035302000010	30/03/2002	Nữ	00	3	D01	20.72	20.72	NV1
178	NGÔ THỊ TRANG	038302018447	22/01/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.2	20.7	NV1
179	VŨ THỊ THU PHƯƠNG	034301006533	02/01/2001	Nữ	00	2NT	A00	20.2	20.7	NV1
180	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	113780575	12/05/2002	Nữ	00	1	D01	19.92	20.67	NV1
181	LÊ ANH TUẤN	001099007079	30/08/1999	Nam	00	3	A00	20.64	20.64	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
182	NGUYỄN HOÀNG MAI	001302026956	25/12/2002	Nữ	00	3	D01	20.64	20.64	NV1
183	PHẠM THỊ KHÁNH NHUNG	038302021233	08/08/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.14	20.64	NV1
184	TRẦN THỊ DUYÊN	034302005221	07/11/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.14	20.64	NV1
185	NGUYỄN THANH THẢO	001302034609	05/05/2002	Nữ	00	2	D01	20.38	20.63	NV1
186	NGUYỄN THỊ KIM CHI	037302004636	26/11/2002	Nữ	00	2	D01	20.36	20.61	NV1
187	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	001302036718	11/04/2002	Nữ	00	2	D01	20.32	20.57	NV1
188	TRẦN THỊ NGỌC MAI	125947238	21/08/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.04	20.54	NV1
189	VŨ THANH TÙNG	034202007747	05/05/2002	Nam	00	2NT	A00	20.04	20.54	NV1
190	NGUYỄN VŨ DUY	001202007299	27/05/2002	Nam	00	3	A01	20.52	20.52	NV1
191	TRẦN THU HÀ	001302021554	31/07/2002	Nữ	00	2	D01	20.24	20.49	NV1
192	KIỀU NGỌC LINH	001302005625	09/08/2002	Nữ	00	3	D01	20.38	20.38	NV1
193	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	125981751	15/08/2002	Nữ	00	2	A00	20.12	20.37	NV1
194	NGUYỄN TIẾN TUẤN	001202004642	08/01/2002	Nam	00	3	D01	20.36	20.36	NV1
195	ĐINH VIỆT HÀ MY	022302000791	15/11/2002	Nữ	00	2	D01	20.1	20.35	NV1
196	NGUYỄN HOÀNG SƠN	001202021998	01/10/2002	Nam	00	3	A01	20.34	20.34	NV1
197	NGUYỄN THỊ HOA PHƯỢNG	122381432	11/01/2002	Nữ	00	2	D01	19.96	20.21	NV1
198	TRẦN ANH DUY	001202018420	11/01/2002	Nam	00	3	A00	20.18	20.18	NV1
199	LÊ BÍCH NGỌC	001302034111	01/10/2002	Nữ	00	2	D01	19.86	20.11	NV1
200	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	001302034112	09/04/2002	Nữ	00	2	D01	19.84	20.09	NV1
201	NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ	187986345	24/04/2002	Nữ	00	2	A00	19.78	20.03	NV1
202	ĐÔNG PHƯƠNG THẢO	001302015966	23/11/2002	Nữ	00	3	A00	20.02	20.02	NV1
203	NGUYỄN MINH HÙNG	022202000938	30/01/2002	Nam	00	2	D01	19.7	19.95	NV1
204	NGUYỄN THẾ ĐẠI	187919897	03/11/2001	Nam	00	1	D01	19.18	19.93	NV1
205	ĐẶNG QUỲNH ANH	036302004070	07/12/2002	Nữ	00	2	D01	19.64	19.89	NV1
206	NGUYỄN TRẦN KHÔI NGUYÊN	001202008406	07/05/2002	Nam	00	3	A01	19.84	19.84	NV1
207	TRẦN THÚY HƯỜNG	125986245	28/11/2002	Nữ	00	2	D01	19.58	19.83	NV1
208	TRẦN MINH PHƯƠNG	001302020293	15/09/2002	Nữ	00	3	D01	19.78	19.78	NV1
209	PHẠM HẢI YẾN	001302004754	01/09/2002	Nữ	00	3	A00	19.76	19.76	NV1
210	TRẦN KHÁNH NAM	040202000005	22/02/2002	Nam	00	3	D01	19.76	19.76	NV1
211	HOÀNG THỊ HẰNG	038302004398	16/10/2002	Nữ	00	2NT	A00	19.22	19.72	NV1
212	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	001302019008	22/09/2002	Nữ	00	3	D01	19.72	19.72	NV1
213	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	001202033219	12/03/2002	Nam	00	3	A00	19.72	19.72	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
214	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	001302004445	10/11/2002	Nữ	00	2	A00	19.44	19.69	NV1
215	TRƯƠNG THẾ ĐỨC	073590828	19/11/2002	Nam	00	1	D01	18.9	19.65	NV1
216	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	035302003033	24/12/2002	Nữ	00	2	D01	19.32	19.57	NV1
217	BÙI THỊ THU YẾN	036301000357	10/06/2001	Nữ	00	2NT	D01	18.98	19.48	NV1
218	NÔNG ĐỨC LƯƠNG	122325311	27/01/2002	Nam	01	1	D01	16.66	19.41	NV1
219	LÊ KHÁNH HUYỀN	001302009776	07/01/2002	Nữ	00	3	D01	19.4	19.4	NV1
220	NGUYỄN HÀ LINH	030302000925	23/07/2002	Nữ	06	3	D01	18.36	19.36	NV1
221	TRẦN NGỌC KHÁNH	063553260	26/07/2002	Nam	00	1	D01	18.6	19.35	NV1
222	BÙI THU TRÀ	001302018858	08/10/2002	Nữ	00	3	D01	19.34	19.34	NV1
223	NGUYỄN TUẤN ANH	001201009712	24/11/2001	Nam	00	3	A00	19.34	19.34	NV1
224	PHAN THỊ LINH	001302027117	23/09/2002	Nữ	00	2	D01	19.04	19.29	NV1
225	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	125909617	03/04/2002	Nữ	00	2	D01	18.98	19.23	NV1
226	TRẦN THỊ THANH THỦY	113776878	10/03/2001	Nữ	00	1	A00	18.48	19.23	NV1
227	TRỊNH NGỌC LINH	001302036657	26/05/2002	Nữ	00	3	D01	19.14	19.14	NV1
228	NGUYỄN TRẦN TIẾN	001202035448	12/01/2002	Nam	00	3	A01	19.12	19.12	NV1
229	NGUYỄN KHÁNH LY	001302015193	22/10/2002	Nữ	00	3	A00	19.1	19.1	NV1
230	CHU THÙY LINH	001302007037	05/09/2002	Nữ	00	3	D01	19.06	19.06	NV1
231	LƯU ĐỨC VŨ	001202010107	24/02/2002	Nam	00	3	D01	19.06	19.06	NV1
232	ĐINH THỦY TIÊN	013691666	22/05/2000	Nữ	00	3	A00	19.02	19.02	NV1
233	ĐOÀN HÀ MY	001302018996	09/08/2002	Nữ	00	3	D01	19	19	NV1
234	NGUYỄN CẨM NHUNG	001302003073	23/08/2002	Nữ	00	3	D01	18.98	18.98	NV1
235	ĐINH NGUYỄN TOÀN ANH	061142043	21/05/2002	Nam	00	1	D01	18.22	18.97	NV1
236	PHAN TRỌNG HUY	038202014309	03/10/2002	Nam	00	2	D01	18.66	18.91	NV1
237	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	001301031756	23/05/2001	Nữ	00	2	A00	18.64	18.89	NV1
238	NGUYỄN KIỀU DUYÊN	001302005785	15/08/2002	Nữ	00	3	A00	18.86	18.86	NV1
239	NGUYỄN PHÙNG HẢI AN	001302007215	13/09/2002	Nữ	00	3	D01	18.82	18.82	NV1
240	NGUYỄN NGỌC MAI	022302003374	17/10/2002	Nữ	00	2	D01	18.5	18.75	NV1
241	BÙI TRẦN MINH NGỌC	001302006437	27/08/2002	Nữ	00	3	D01	18.62	18.62	NV1
242	MẠNH XUÂN HOÀNG	001202012865	14/06/2002	Nam	00	3	D01	18.62	18.62	NV1
243	ĐỖ THỊ QUỲNH	035302003243	06/08/2002	Nữ	00	2	D01	18.32	18.57	NV1
244	NGÔ THỊ THẢO QUYÊN	125996966	28/11/2002	Nữ	00	2NT	D01	18.02	18.52	NV1
245	NGUYỄN THỊ QUYÊN	001302014036	05/12/2002	Nữ	00	2	D01	18.26	18.51	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
246	NGUYỄN ĐỨC ANH	001202019788	20/06/2002	Nam	00	3	A00	18.5	18.5	NV1
247	NGUYỄN HOÀNG NAM	001202013647	22/10/2002	Nam	00	3	D01	18.46	18.46	NV1
248	NGUYỄN MẠNH KIÊN	001202010099	27/10/2002	Nam	00	3	A01	18.36	18.36	NV1
249	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	001301002631	11/06/2001	Nữ	00	3	D01	18.3	18.3	NV1
250	NGUYỄN THỊ HUỆ	125909478	14/02/2002	Nữ	00	2	D01	17.98	18.23	NV1
251	NGÔ PHƯƠNG TRANG	125917586	05/04/2002	Nữ	00	2	D01	17.94	18.19	NV1
252	NGUYỄN THANH TÙNG	036098001769	05/03/1998	Nam	00	2NT	D01	17.54	18.04	NV1

Danh sách này có 252 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI

TS. Hà Xuân Hùng